

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền -Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **B**, sinh năm 1987. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).

2. Bị đơn: Anh **K**, sinh năm 1983. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Ch**, sinh năm 1952. Vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

4. Người được chị B ủy quyền giao và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án : Chị Nguyễn Thị Mây, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K Kt hôn tự nguyện và có đăng ký Kt hôn tại UBND xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, ngày 08/9/2005. Sau khi Kt hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn, mặc dù Tòa án nhân dân huyện Gi bác đơn xin ly hôn nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Đến tháng 6 năm 2017 chị đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là NHMA sinh ngày 14/8/2006 và NHHA, sinh ngày 26/9/2009. Hiện các con chung đang ở cùng với bà Ch (là mẹ đẻ chị). Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án hỏi ý kiến các con chung, nếu các con chung có nguyện vọng ở cùng với chị thì chị cũng nhất trí và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang lao động ở nước ngoài nên chị đề nghị tạm giao hai con chung cho bà Ch chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai của anh K trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị B đã trình bày. Từ khi chị B đi nước ngoài đến nay, vợ chồng không còn liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: vợ chồng anh có hai con như chị B trình bày, khi ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét ý kiến của các con chung, trường hợp các con chung có nguyện vọng ở cùng với anh thì anh cũng nhất trí và yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Trường hợp các con chung có nguyện vọng được ở cùng với chị B thì anh cũng đồng ý và nhất trí việc tạm giao con chung cho bà Ch chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị B không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung NHMA và NHHA đều có nguyện vọng được ở với mẹ chị B.

Tại lời khai của bà Ch (mẹ đẻ chị B) thể hiện: Vợ chồng chị B, anh K sống không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc anh K thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Bà nhất trí sự ủy quyền của chị B về việc tạm giao cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung trong thời gian chị B không có mặt tại Việt Nam và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã T thể hiện: Chị B và anh K Kt hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị không thống nhất, không hòa

hợp trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Nay chị B có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa: Chị B, anh K và bà Ch có đơn đề nghị, quan điểm xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị B ly hôn anh K; Về quan hệ nuôi con: Giao hai con chung NHMA sinh ngày 14/8/2006 và NHHA, sinh ngày 26/9/2009 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị B không ở Việt Nam, tạm giao hai con chung cho bà Ch chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị B hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), bị đơn anh K đang sinh sống tại xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B đã gửi đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (đều có xác nhận của UBND xã T, huyện Gi). Tại phiên tòa, chị B, anh K và bà Ch vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh K Kt hôn tự nguyện và có đăng ký Kt hôn tại UBND xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, ngày 08/9/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi Kt hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau. Năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Gi, tỉnh Hải Dương đã bác đơn khởi kiện ly hôn của chị B, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh K cũng không được cải thiện. Trong năm 2017 chị B đi nước ngoài lao động và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Bản thân anh K xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi

các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị B ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị B và anh K có hai con chung là NHMA sinh ngày 14/8/2006 và NHHA, sinh ngày 26/9/2009. Xét về thực tế cháu Minh Anh, Hải Anh đang ở với bà ngoại. Mặt khác, hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Chị B ủy quyền cho bà Ch nuôi hai cháu trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam. Anh K đồng ý để hai cháu ở với gia đình bà Ch. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của các con chung, HĐXX chấp nhận giao cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung NHMA sinh ngày 14/8/2006 và NHHA, sinh ngày 26/9/2009 là đảm bảo nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị B không ở Việt Nam, tạm giao cháu Minh Anh và Hải Anh cho bà Ch chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **B** ly hôn anh **K**.
2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là NHMA sinh ngày 14/8/2006 và NHHA, sinh ngày 26/9/2009, thời gian kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện chị B không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị B không có mặt tại Việt Nam, tạm giao hai con chung là NHMA và NHHA cho bà Ch chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở anh K thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị M đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001641 ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân